TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy
Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Lê Thế Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Thanh Hóa
Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989
Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N (nay là UBND xã M), tỉnh Thanh Hoá ngày 27/4/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không có tiếng nói chung.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng. Đời sống chung thực tế đã không còn nên chị Đỗ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

- *Về con chung:* Chị và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/9/2016. Chị Đỗ Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi cháu C, đề nghị anh trực tiếp nuôi cháu P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Đỗ Thị H còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); 01 Xác nhận thông tin về cư trú; 01 Căn cước công dân (chứng thực); 02 Giấy khai sinh (chứng thực); 01 Đơn khởi kiện; 01 Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại; 01 Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; 01 Bản tự khai của chị; Đơn đề nghị của cháu P, cháu C và Đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Về phía bị đơn:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Hữu T các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của anh.

* *Tại các đơn đề nghị* của các cháu Nguyễn Hữu P và Nguyễn Bảo C đều đề ngày 08/8/2025, thể hiện: Cháu P có nguyện vọng được ở với anh T; cháu C có nguyện vọng được ở với chị H.

* *Tại các biên bản xác minh ngày 15/8/2025*, ông Lê Văn K là trưởng thôn T, xã M, tỉnh Thanh Hóa cung cấp thông tin:

- Về nơi cư trú của bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T có nơi cư trú tại thôn T, xã M, tỉnh Thanh Hóa.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T kết hôn với chị Đỗ Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N (nay là UBND xã M), tỉnh Thanh Hoá. Quá trình sống chung, ông K không biết nguyên nhân mâu thuẫn của chị H và anh T nhưng ông biết hiện nay chị H và anh T đã sống ly thân.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/9/2016. Hiện cháu P đang ở với anh T, cháu C đang ở với chị H.

* *Tại phiên tòa:* Chị Đỗ Thị H có đơn xin xử vắng mặt, anh Nguyễn Hữu T vắng mặt không có lý do.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

* *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Đỗ Thị H. Theo đó, xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu T; Xử cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo C, anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hữu P; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, đề nghị buộc chị Đỗ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã M, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tô tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N (nay là xã M), tỉnh Thanh Hóa ngày 27/4/2011 nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng với nhau. Chị H và anh T hiện tại đã sống ly thân. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Theo đó, xử cho chị Đỗ Thị H được ly hộn anh Nguyễn Hữu T là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/9/2016. Hiện cháu P đang ở với anh T, cháu C đang ở với chị H. Xét thấy nguyện vọng của

chị H về trách nhiệm nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của các con chưa thành niên trên 7 tuổi. Ngược lại, bản thân anh T không có ý kiến, yêu cầu gì về trách nhiệm nuôi con chung. Do đó, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của chị H về trách nhiệm nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo đó, giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo C; giao cho anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hữu P; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị H, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Đỗ Thị H là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, nhân dân Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/9/2016, anh Nguyễn Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 12/12/2010. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Đỗ Thị H và anh Nguyễn Hữu T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005652 ngày

28/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Thanh Hóa; chị Đỗ Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Thanh Hoá;
- UBND xã Mậu Lâm;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy